

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 110/2026/HSST

Ngày: 31/7/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Giang

Bà Phạm Thị Ngọc Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Phương Liên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Ninh Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Anh Vũ- Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 99/2026/TLST- HS ngày 09 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110 /2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Quang C**, sinh ngày 17/01/2008 tại Ninh Bình; số CCCD: 036208009940; cấp ngày 04/02/2026; nơi cấp: Bộ C1; Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn D, xã N, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Văn T và bà Vũ Thị P; Chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: không

Lịch sử bản thân: Ngày 13/03/2024, Công an huyện T, tỉnh Nam Định xử phạt cảnh cáo về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

Bị cáo Vũ Quang C được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/4/2026 cho đến nay.(Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Quang C: Bà Đỗ Thị Thùy T1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N.(Có mặt).

- *Bị hại:* Chị Y H, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số nhà E, ngách B, đường N, tổ dân phố C, phường H, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Đặng Duy H1, sinh ngày 02/11/2011; địa chỉ: thôn C, xã N, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn S, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn C, xã N, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt)

+ Anh Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 02/01/2008; địa chỉ: thôn H, xã N, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

+ Anh Đỗ Văn T2, sinh năm 2007; (Vắng mặt)

+ Anh Ngô Quốc H3, sinh năm 2007; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Quang C là nhân viên làm thuê cho chị Y H, sinh năm 1995 trú tại số nhà E, ngách B, đường N, tổ dân phố C, phường H, tỉnh Ninh Bình từ ngày 18/01/2026. Trong thời gian C làm việc tại đây, C ở tại phòng trọ của chị Y H và chị Y H giao cho C quản lý, sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, biển kiểm soát 90AB-148.45 để đưa đón nhân viên đi làm. Đến ngày 24/01/2026, chị Y H cho C nghỉ việc và yêu cầu C trả lại chiếc xe mô tô trên, C đã trả lại xe mô tô và xin ở lại phòng trọ thêm một đêm để sáng hôm sau bắt xe về quê, chị H đồng ý.

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 25/01/2026, C ra sân phòng trọ ngồi hút thuốc và phát hiện chiếc xe mô tô biển kiểm soát 90AB-148.45 đang dựng tại sân phía hông nhà phòng trọ, chìa khóa vẫn cắm sẵn trong ổ khóa nên C nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Sau khi quan sát thấy không có người trông coi, C đã đi vào phòng lấy đồ đạc cá nhân rồi đi ra dắt xe mô tô ra đầu ngõ nổ máy xe để tránh việc bị mọi người trong phòng trọ phát hiện sau đó điều khiển xe đi về nhà mình ở thôn D, xã N, tỉnh Ninh Bình. Chiều ngày 25/01/2026, C điều khiển chiếc xe mô tô trên đến nhà Ngô Quốc H3, sinh năm 2007, trú tại thôn C, xã N, tỉnh Ninh Bình chơi thì H3 rủ C đến nhà Đỗ Anh T3, sinh năm 2007, trú tại thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình để chơi. Khi đến nhà T3 thấy Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 02/01/2008, trú tại thôn H, xã N, tỉnh Ninh Bình (là bạn của T3) đang ở đó. Trong lúc ngồi chơi, C hỏi H2: “*Mày có mua xe không giấy tờ không?*”, thấy vậy H2 hỏi về nguồn gốc chiếc xe thì C nói đây là xe của anh trai mua lại không có giấy tờ để cho C đi làm giờ muốn bán. Tin tưởng lời nói của C nên H2 đồng ý mua, C và H2 thỏa thuận chiếc xe mô tô Honda Wave màu đen, biển kiểm soát 90AB-148.45 với giá 1.700.000 đồng. H2 đồng ý mua và đưa cho C số tiền 1.700.000 đồng, C nhận

tiền rồi đưa chìa khóa và giao xe mô tô cho H2. Sau khi mua bán xe, H2 điều khiển xe chở T3 đi cắt tóc khoảng 30 phút sau quay lại, C thấy xe không còn gắn biển kiểm soát nên có hỏi thì H2, lúc này H2 mới xem thì thấy biển số đã bị rơi sau đó quay đi tìm nhưng không thấy. Số tiền bán xe, C sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân hết.

Đến 15 giờ cùng ngày chị Y H phát hiện chiếc xe mô tô của mình bị mất, chị Y H hỏi nhân viên thì được biết vào khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày C đã lấy chiếc xe mô tô trên. Chị H gọi điện thoại cho C thì C thừa nhận đã lấy chiếc xe mô tô và hứa đến 17 giờ cùng ngày sẽ mang xe trả lại. Tuy nhiên, C đã không mang xe đến trả đồng thời chặn liên lạc với chị Y H.

Ngày 26/01/2026, C cùng Ngô Quốc H3 đi xe khách đến thành phố Hải Phòng để tìm việc làm. Ngày 01/02/2026, C đón Đặng Duy H1, sinh ngày 02/11/2011, trú tại thôn C, xã N, tỉnh Ninh Bình và Nguyễn Tuấn S1, sinh ngày 07/01/2010, trú tại thôn C, xã N, tỉnh Ninh Bình cũng Hải Phòng để xin việc làm. Trong quá trình trò chuyện, C kể cho H1 biết việc đã bán một chiếc xe mô tô không có giấy tờ với giá rẻ. H1 đã bảo C chuộc lại chiếc xe trên để bán cho mình và được C đồng ý. Sau đó, C liên lạc với Nguyễn Thanh H2 để trao đổi việc chuộc lại chiếc xe đã bán trước đó. Ngày 03/02/2026, C, H1 và S1 từ Hải Phòng đi về Ninh Bình, đến khu vực chùa Đ1 thuộc xã N, tỉnh Ninh Bình để gặp H2 như đã hẹn. Tại đây, H1 đưa cho H2 1.700.000 đồng tiền mua lại xe và 150.000 đồng tiền thay đèn xe. Sau khi nhận tiền, H2 giao lại chìa khóa xe mô tô cho H1 sau đó S1 điều khiển xe chở C và H1 để đưa C về nhà rồi S1 điều khiển xe mô tô đi về nhà H1.

Đến tối ngày 09/02/2026, C đi từ nhà đến uống nước tại một quán nước gần khu vực Phố C thuộc phường H, tỉnh Ninh Bình. Khoảng 03 giờ ngày 10/02/2026, chị Y H phát hiện C đang ngồi ở quán nước gần phố C nên đã cùng Bùi Hoàng V, sinh ngày 13/02/2007, trú tại xã Y, tỉnh Phú Thọ; Trương Công Đ, sinh ngày 05/12/2006, trú tại xã L, tỉnh Phú Thọ và Nguyễn Văn N, sinh ngày 14/11/2005, trú tại thôn C, phường T, tỉnh Ninh Bình là những người làm thuê cho chị Y H đến quán nước và yêu cầu C đến Công an phường H để làm việc, do C không hợp tác nên đã bị V, Đ và N dùng tay, chân đánh C. Thấy vậy chị Y H đã can ngăn và tiếp tục đưa C đến Công an phường H trình báo sự việc. Tại đây, C đã thừa nhận hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô của chị Y H sau đó bán cho Đặng Duy H1. Căn cứ lời khai của Vũ Quang C, ngày 12/02/2026 Cơ quan điều tra đã triệu tập Đặng Duy H1 lên làm việc, H1 đã tự nguyện giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, biển kiểm soát 90AB-148.45 mà H1 đã mua của C.

Kết quả định giá tài sản:

Ngày 11/03/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N ra yêu cầu định giá tài sản số: 4344/YP-VPCQCSĐT đề nghị đến Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng UBND phường H, tỉnh Ninh Bình đối với: *01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, số khung: RLHJA3933RY662332; số máy: JA70E4088741 (Xe đã qua sử dụng) tại thời điểm ngày 25/01/2026.*

Tại Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 16/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng UBND phường H, tỉnh Ninh Bình kết luận: *01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, số khung: RLHJA3933RY662332; số máy: JA70E4088741 (Xe đã qua sử dụng) tại thời điểm ngày 25/01/2026 trị giá 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).*

Quá trình điều tra, Vũ Quang C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKSNBH-KV ngày 08/7/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Ninh Bình đã truy tố bị cáo Vũ Quang C ra trước Tòa án nhân dân khu vực 1-Ninh Bình để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1, khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1-Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Vũ Quang C phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Bộ luật Hình sự. Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Vũ Quang C từ 09 (Chín) tháng tù đến 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (Mười tám) tháng đến 24 (Hai mươi bốn) tháng thời hạn tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Vũ Quang C cho UBND xã N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo;

Bị cáo không phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, Điều 51; Điều 65; của Bộ luật Hình sự; xem xét đến nhân thân hoàn cảnh gia đình của bị cáo là hộ cận nghèo để tuyên xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt ở mức thấp nhất theo quy định của pháp luật; hình phạt này cũng đủ để răn đe cho bị cáo và cũng là tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được ở với gia đình và xã hội, để sửa chữa sai lầm trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh, hình phạt đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Vũ Quang C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình cũng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, như biên bản sự việc, vật chứng thu giữ, các kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản UBND phường H, tỉnh Ninh Bình nên có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 25/01/2026, tại trước cửa phòng trọ của chị Y H sinh năm 1995, ở số nhà E, ngách B, đường N, tổ dân phố C, phường H, tỉnh Ninh Bình. Vũ Quang C đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, biển kiểm soát 90AB-148.45 của chị Y H trị giá 12.000.000 đồng đến ngày 10/02/2026 bị phát hiện bắt giữ.

Hành vi này của bị cáo Vũ Quang C đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đồng hoặc dưới 2.000.000đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm ;.....”

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Ninh Bình truy tố bị cáo Vũ Quang C về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội, không những thế hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác... Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu sài cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm nên cần phải xử lý nghiêm minh buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự nhằm răn đe giáo dục bị cáo, làm gương cho những người khác và phòng ngừa chung trong nhân dân.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; Trong quá trình giải quyết bị cáo và gia đình của bị cáo đã trả lại cho người liên quan anh Đặng Duy H1 số tiền 1.700.000 đồng đây là tình tiết bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo “Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”; bản thân bị cáo có gia đình hộ cận nghèo là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có

- Về nhân thân, Ngày 13/03/2024, bị cáo bị Công an huyện T, tỉnh Nam Định xử phạt cảnh cáo về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” hành vi này bị cáo thực hiện tại thời điểm này bị cáo dưới 18 tuổi nhưng không lấy đó làm bài học để tự cải tạo, tu dưỡng mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, cần có mức án tương xứng để răn đe phòng ngừa chung cho xã hội và cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt.

[4] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, đối với bị cáo. Tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, nên căn cứ vào các điều kiện được

hưởng án treo cần áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo ấn định thời gian thử thách đồng thời giao bị cáo cho UBND nơi bị cáo cư trú và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung, xét thấy bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo;

[6] Các vấn đề khác: Đối với anh Nguyễn Thanh H2 là người đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, biển kiểm soát 90AB-148.45 của Vũ Quang C sau đó C đã chuộc lại để bán cho Đặng Duy H1 nhưng anh H2 và anh H1 không biết đây tài sản do bị cáo C trộm cắp mà có nên không đề cập đến việc xử lý là phù hợp.

Đối với Bùi Hoàng V, Trương Công Đ, Nguyễn Văn N đã có hành vi dùng chân tay đánh vào mặt Vũ Quang C, nhưng do thương tích nhẹ không phải điều trị tại cơ sở y tế. Đồng thời Chiến có đơn đề nghị từ chối giám định tỉ lệ tổn hại phần trăm sức khỏe, do vậy không đủ căn cứ để xử lý đối với Bùi Hoàng V, Trương Công Đ, Nguyễn Văn N về hành vi “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự. Ngày 05/6/2026, Công an phường H, tỉnh Ninh Bình đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền đối với Nguyễn Văn N, Bùi Hoàng V, Trương Công Đ mỗi người 7.000.000 đồng về hành vi “*Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức cho người khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự*”

Đối với chiếc biển kiểm soát 90AB-148.15 của xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, sau khi Vũ Quang C bán cho anh Nguyễn Thanh H2 thì anh H2 đã làm rơi mất biển số xe. Quá trình làm việc với chị Y H là chủ tài sản không yêu cầu C và H2 phải bồi thường; Đối với số tiền 1.700.000 đồng là tiền anh Nguyễn Thanh H2 bỏ ra để mua chiếc xe mô tô của Vũ Quang C sau đó C đã trả lại tiền để chuộc lại xe mô tô và bán cho anh H2.

Đối với số tiền 1.700.000 đồng mà bị cáo đã bán 01 chiếc xe mô tô cho anh H1, Quá trình điều tra, anh H1 không đề nghị bị cáo C phải trả lại số tiền trên căn cứ vào Mục 3, Công văn số 233/TANDTC-PC ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí; Bị cáo có tội nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm tuy nhiên bị cáo thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo: Vũ Quang C phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2. Xử phạt: bị cáo **Vũ Quang C** 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng thời hạn tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Vũ Quang C cho UBND xã N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo;

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Bị cáo Vũ Quang C được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6 và 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- VKSND-KV1;
- THADS- TNB;
- THAHS;
- Công an TNB;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ
- Bị hại
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn./

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lâm Thị Thanh Nhàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Thanh N1